

Bản án số: 93/2026/DS-ST

Ngày: 13/7/2026.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kim Tân;

2. Bà Nguyễn Thị Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Ngọc Ái Linh - Thư ký viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai tham gia phiên tòa:
không tham dự.

Ngày 13 tháng 7 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 219/2026/TLST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2026 về: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2026/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 258/2026/QĐST – DS ngày 06/7/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Tuyết M - sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố T, phường T, Thành phố Đ

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim H – sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: ấp X, xã X, Thành phố Đ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị H1 – sinh năm 1967 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp X, xã X, Thành phố Đ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/5/2025, các bản tự khai, nguyên đơn Bùi Thị Tuyết M trình bày:

Trước đây khi còn sống tại xã X nên bà có quen biết với bà Nguyễn Thị Kim H. Do bà H cần tiền đầu tư để mở rộng buôn bán nên có hỏi vay bà 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng, ngày 19/11/2024 bà đã chuyển khoản cho bà H vay mượn số tiền trên. Đôi bên thoả thuận lãi suất 3%/tháng, khi nào cần thì trả. Tháng 11/2025 bà đã đi đòi nhưng bà H cho rằng đang kẹt vốn nên đề nghị không tính lãi suất, xin được trả gốc. Bà đồng ý nhưng bà đi đòi nhiều lần mà bà H cố tình né tránh, không hợp tác, không chịu trả tiền. Nay bà

yêu cầu bà H phải thanh toán cho bà 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng. Do bà ở xa nên bà xin được vắng mặt, không tham dự phiên tòa.

* Theo các bản tự khai và tại phiên tòa, bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim H trình bày:

Bà có vay mượn bà Phạm Thị H1 (mẹ ruột bà M) 800.000.000 (Tám trăm triệu) đồng để đầu tư vào kinh doanh. Bà H1 gọi điện thoại cho bà M yêu cầu bà M chuyển khoản 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng vào tài khoản của bà. Từ khi nhận tiền từ bà M thì bà có thanh toán bằng hình thức chuyển khoản cho bà M nhiều lần, tổng cộng là 34.000.000 (Ba mươi bốn) triệu đồng. Bà xác định bà H1 đã hứa không tính lãi suất nên số tiền này được xem là trả vào nợ gốc. Bà xác định bà nợ bà H1 650.000.000 (Sáu trăm năm mươi triệu) đồng, nợ bà M 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng. Bà đã viết giấy nhận nợ cho bà H1 và đồng ý trả cho bà H1 800.000.000 (Tám trăm triệu) đồng là đã bao gồm cả số nợ của bà M nên bà không đồng ý trả cho bà M 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng.

* Theo Đơn đề nghị được giải quyết vắng mặt ngày 05/6/2026, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị H1 trình bày: Bà và bà H quen biết nhau nhiều năm và bà có cho bà H vay tiền để làm ăn. Lần cuối cùng bà H vay của bà 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng, có viết giấy nhận nợ, bà H đã trả cho bà được 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng, còn nợ lại bà 800.000.000 (Tám trăm triệu) đồng. Bà H có xin bà được trả nợ gốc, không tính lãi suất và bà đã đồng ý. Nhưng bà H không thực hiện như cam kết nên bà làm đơn khởi kiện. Quá trình làm việc, bà H đã thống nhất nhận nợ bà 800.000.000 (Tám trăm triệu) đồng nên Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đồng Nai đã ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự.

Trước đây, bà H có hỏi vay bà thêm tiền nhưng bà không có, bà H nhờ bà hỏi người khác giúp. Bà đã gọi điện thoại cho con gái là M, vì có sự giới thiệu của bà nên M đã đồng ý cho bà H vay 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng bằng hình thức chuyển khoản. Bà H và cháu M thanh toán nợ nần cho nhau như thế nào thì bà không biết.

Tiền mà cháu M cho bà H vay là khoản khác, không liên quan gì đến khoản nợ 800.000.000 (Tám trăm triệu) đồng của bà. Do ở xa nên bà xin được vắng mặt, không tham dự phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, theo quy định tại Điều 26 của BLTTDS.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: bà Bùi Thị Tuyết M là nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Kim H là bị đơn, bà Phạm Thị H1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về vấn đề thủ tục tố tụng: Bà M và bà H1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điều 227, 228 BLTTDS tiến hành xét xử vắng là phù hợp.

[4] Xét lời trình bày của các đương sự nhận thấy:

Bà Bùi Thị Tuyết M và bà Nguyễn Thị Kim H đều thừa nhận vào ngày 19/11/2024 bà H có nhận từ bà M 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng bằng hình thức chuyển khoản 145.000.000 (Một trăm bốn mươi lăm triệu) đồng và tiền mặt là 5.000.000 (Năm triệu) đồng. Bà H thừa nhận có nhận số tiền này từ bà M nhưng cho rằng đây là số tiền của bà H1 cho bà vay mượn, bà M chỉ là người chuyển tiền giúp. Bà H1 không thừa nhận vấn đề này. Các chứng cứ do bà H1 cung cấp thể hiện bà H1 cho bà H vay 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng vào ngày 09/12/2023, giấy nhận nợ có chữ ký của bà H và bà H cũng thừa nhận vấn đề này; còn bà M chuyển khoản và giao tiền cho bà H vào ngày 19/11/2024. Xét thấy 02 mốc thời gian này không phù hợp với nhau, hơn nữa bà H không đưa ra bất cứ chứng cứ nào để chứng minh bà M đồng ý nhập số nợ này chung vào số nợ của bà H1, hơn nữa bà H thừa nhận nhiều lần chuyển khoản trả nợ cho bà M số tiền 34.000.000 (Ba mươi bốn triệu) đồng. Việc bà M đi đòi nợ là có cơ sở vì nếu bà H nợ của bà H1 thì đã thanh toán tiền cho bà H1, trong khi chính bà thừa nhận bà chuyển khoản trả nợ cho bà M nhiều lần. Điều này chứng minh bà có nợ bà M thì mới thanh toán nợ cho bà M. Từ đó đủ cơ sở để xác định bà M có cho bà H vay 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng.

Bà H cho rằng đã thanh toán cho bà M được 34.000.000 (Ba mươi bốn triệu) đồng tiền gốc vì bà đã xin bà H1 không trả lãi suất. Bà M thừa nhận có nhận từ bà H số tiền trên nhưng tại thời điểm vay bà H không có đề nghị bà cho tiền lãi suất mà đến tháng 11/2025 khi bà đi đòi bà H mới đề nghị được trả gốc, không trả lãi suất do làm ăn khó khăn, bà xác định số tiền bà nhận từ bà H là lãi suất nên yêu cầu bà H phải thanh toán đủ 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng. Bà H không có gì chứng minh bà M không tính lãi suất, hơn nữa bà xác định bà đề nghị bà H1 không tính lãi suất. Do đó không có cơ sở để xác định số tiền 34.000.000 (Ba mươi bốn triệu) đồng mà bà đưa cho bà M là tiền gốc nên không có cơ sở để tính lại tiền gốc cho bà.

Bà M yêu cầu thêm lãi suất từ ngày tiếp theo của ngày xét xử (ngày 14/7/2026) cho đến khi bên vay phải thanh toán xong nợ phù hợp với hướng dẫn tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên được chấp nhận.

[6] Về án phí:

- Bà H phải chịu án phí DSST theo quy định trên tổng số tiền phải trả cho bà M là 7.500.000 (Bảy triệu năm trăm ngàn) đồng.
- Yêu cầu của bà M được chấp nhận nên được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, 35, 39, 85, 91, 92, 147, 227, 228 của BLTTDS;

Căn cứ vào Điều 213, 216, 218, 357, 463, 466, 468 của BLDS;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ vào Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Tuyết M.

- Buộc Nguyễn Thị Kim H phải trả cho bà Bùi Thị Tuyết M 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14/7/2026) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 BLDS năm 2015”.

- Về án phí:

+ Buộc bà H phải nộp 7.500.000 (Bảy triệu năm trăm ngàn) đồng án phí DSST.

+ Hoàn trả cho bà Bùi Thị Tuyết M số tiền 3.750.000 (Ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 0011427 ngày 15/5/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Đ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho bà Nguyễn Thị Kim H biết quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà Bùi Thị Tuyết M và bà Phạm Thị H1 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày được tính kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tp;
- VKSND KV6 – Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Phòng THADS KV6;
- Lưu, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Tùng